

Bản án số: 419/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29- 11- 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tám

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai Thy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên toà:
Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 309/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2022 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình về “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 247/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/11/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ Đ, sinh năm 1997.

Nơi cư trú: 184, tổ 2, ấp Phú L, xã Phú Th, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Anh Lâm H Ý (Thái), sinh năm 1992.

Nơi cư trú: 696, tổ 12, ấp Phú L, xã Phú Th, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

(Chị Đ có mặt, anh Ý vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, biên bản ghi lời khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà, nguyên đơn trình bày:

Vào tháng 01 năm 2016, chị và anh Lâm H Ý được gia đình tổ chức lễ cưới, tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Phú Th (Giấy

chứng nhận kết hôn số 08 ngày 16/02/2016). Nguyên nhân mâu thuẫn: từ năm 2018, do bất đồng quan điểm sống, anh Ý cờ bạc, không lo làm ăn, đã nhiều lần khuyên nhưng không sửa đổi, vợ chồng thường xuyên cãi và đã ly thân tháng 4/2020 đến nay. Do tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Ý. Quá trình chung sống có 01 con chung tên Lâm Thị Diễm M, sinh ngày 22/02/2017 do chị nuôi dưỡng sau khi ly thân. Yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung: không có và nợ chung (phải thu, phải trả) không có.

Theo biên bản ghi lời khai, biên bản hoà giải của Tòa án, bị đơn trình bày:

Anh thống nhất lời trình bày của chị Nguyễn Thị Mỹ Đ về thời gian vợ chồng chung sống, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng có cự cãi nhau về chuyện anh đi chơi về trễ, anh có chơi đá gà vào những lúc không có công việc làm, do làm thuê cho công trình nên có việc thì mới làm, thời gian không ổn định. Vợ chồng đã ly thân không còn sống chung từ tháng 4/2020 đến nay, đã có 03 lần năn nỉ vợ nhưng cha mẹ vợ không đồng ý. Do còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn, đợi khi nào con gái lớn thì anh sẽ ký tên ly hôn. Về con chung, nếu Tòa giải quyết ly hôn thì anh thống nhất như yêu cầu Đ. Tài sản chung lúc cưới có cho vàng cưới nhưng trong quá trình chung sống, nuôi con đã chi xài hết, không còn. Nợ chung không có. Nếu khi Tòa án mời, anh không bận công việc thì anh sẽ về, còn nếu không về được thì yêu cầu được vắng mặt, ý kiến này cho đơn đơn yêu cầu xét xử, giải quyết vắng mặt.

Anh Ý trình bày có chung hộ khẩu với bà Lương Thị Bích T (mẹ ruột) nhưng mẹ thường hay đi không có ở nhà, do đó Tòa án không xác minh bà T.

Lời khai của ông Nguyễn Hữu L (cha ruột của chị Đ) cho biết: Vợ chồng Đ – Ý đã ly thân từ tháng 4/2020 đến nay không còn chung sống, sau khi đám cưới vợ chồng Ý lên Bình Dương sống với vợ chồng ông, Ý có công việc không ổn định, thường hay cự cãi và nghỉ việc, xin thay đổi nhiều công ty. Ý thường hay đá gà gây nợ nần, gia đình phải cho tiền để trả nợ, cuộc sống vợ chồng thường xuyên cự cãi, sau khi ly thân con chung tên Lâm Thị Diễm M, sinh ngày 22/02/2017 do Đ nuôi dưỡng. Mong Tòa giải quyết cho Đ được ly hôn và được tiếp tục nuôi con chung.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng

theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Mỹ Đ được ly hôn với anh Lâm H Ý. Về con chung: chị Nguyễn Thị Mỹ Đ được trực tiếp nuôi dạy đứa con tên Lâm Thị Diễm M, sinh ngày 22/02/2017 đến thành niên và lao động được, anh Ý không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chia tài sản và nợ chung không có, không xem xét; về án phí, chị Nguyễn Thị Mỹ Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn có nơi cư trú tại xã Phú Th, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết vụ án dân sự về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] *Về nội dung:*

[3.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Mọi quan hệ hôn nhân giữa chị Đ, anh Ý được xác lập trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, đã ly thân thời gian dài từ tháng 4/2020 đến nay mặc dù anh Ý có hàn gắn nhưng không được chị Đ đồng ý. Mâu thuẫn nói trên anh Ý xác nhận là có, anh không đồng ý ly hôn do còn thương vợ, mặc dù Toà án đã hoà giải nhưng không thành, chị Đ vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân vợ chồng nếu muốn có được hạnh phúc dài lâu và đạt được mục đích thì vợ chồng phải bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ, phải biết thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau, nhưng anh chị không làm được điều đó, nếu tiếp tục duy trì thì sẽ không đảm bảo hạnh

phúc, nên chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Mỹ Đ được ly hôn với anh Lâm H Ý là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình “Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con”. Cháu Lâm Thị Diễm M hiện đang sống chung chị Đ, được chị và gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, phát triển ổn định và có yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, anh Ý đồng ý. Để đảm bảo môi trường phát triển của con được ổn định, thuận lợi trong việc học tập, cần tiếp tục giao cháu My cho chị Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Đ tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nên anh Ý không phải cấp dưỡng nuôi con. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Ghi nhận chị Đ, anh Ý xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đ phải chịu án phí ly hôn 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Ý không phải chịu án phí hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ Đ.

1. Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Mỹ Đ được ly hôn với anh Lâm H Ý (Thái).

Giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 16/02/2016 do Ủy ban nhân dân xã Phú Th, huyện Phú Tân cấp cho anh, chị không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Lâm Thị Diễm M, sinh ngày 22/02/2017 cho chị Nguyễn Thị Mỹ Đ trực tiếp nuôi dạy đến thành niên và tự lập được. Anh Lâm H Ý không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lâm H Ý có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị Nguyễn Thị Mỹ Đ cùng các thành viên gia đình không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Đ có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của anh Ý.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Ghi nhận các đương sự xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ Đ phải chịu 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0005576 ngày 10/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Anh anh Lâm H Ý không phải chịu án phí.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Chị Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND Phú T, huyện Phú Tân tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhung

